

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 89 /2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 63/2025/NĐ-CP, Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, Nghị định số 53/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 63/2025/NĐ-CP, Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, Nghị định số 53/2026/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng:

- Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi chung là Quỹ cấp tỉnh);
- Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã);
- Tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các nội dung chi hỗ trợ từ nguồn thu Quỹ cấp tỉnh.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi

Nội dung chi và mức chi của Quỹ cấp tỉnh theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ và một phần các quyết định sau:

a) Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định về phân bổ kinh phí và nội dung, mức chi từ nguồn thu Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang.

b) Bãi bỏ số thứ tự 05 mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

4. Đối với các nội dung chi, mức chi hỗ trợ từ nguồn thu Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã ký hợp đồng, cam kết chi trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND cho đến khi hoàn thành.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Tuyên Quang; Giám đốc các Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Các Phó chánh VPUBND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở Dữ liệu văn bản QPPL tỉnh (đăng tải);
- HĐND, UBND xã, phường;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Huy Ngọc



PHỤ LỤC

NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

(Kèm theo Quyết định số: 89 /2026/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	ĐVT	Mức chi tối đa
1	Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai		
1.1	Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm	đồng/người/lần	100.000
1.2	Chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán	đồng/người/ ngày	60.000
1.3	Tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai đối với người không hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước; Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai đối với người không hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước		
-	Thời gian huy động từ 6 giờ sáng đến 22 giờ đêm	đồng/người/ ngày	330.000
-	Thời gian huy động từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau	đồng/người/ ngày	495.000
2	Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai		
2.1	Cứu trợ khẩn cấp về lương thực (thời gian cứu trợ không quá 03 tháng)	kg gạo/người/tháng	15 kg
2.2	Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai	đồng/người/ đợt thiên tai	500.000
2.3	Hỗ trợ tu sửa nhà ở (chỉ tính nhà ở chính)		
-	Hỗ trợ nhà bị đổ, sập trời, hư hỏng do thiệt hại hoàn toàn (bị hư hỏng trên 70%)	đồng/nhà/hộ	40.000.000

Số TT	Nội dung	ĐVT	Mức chi tối đa
-	Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng thiệt hại rất nặng (bị hư hỏng từ 50-70%).	đồng/nhà/hộ	30.000.000
-	Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng thiệt hại nặng (bị hư hỏng từ 30-50%).	đồng/nhà/hộ	20.000.000
2.4	Hỗ trợ tu sửa các công trình bị thiệt hại do thiên tai, bao gồm: Cơ sở y tế, trường học, nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai.	đồng/Công trình	300.000.000
2.5	Hỗ trợ khẩn cấp xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai	đồng/xã	10.000.000
2.6	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	đồng/con, ha	Mức chi theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND Quy định chi tiết khoản 3 Điều 9 Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
2.7	Hỗ trợ tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai	đồng/công trình	300.000.000
2.8	Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn bị sạt trượt, sạt lở;	đồng/công trình	500.000.000
2.9	Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai	đồng/công trình	3.000.000.000



Số TT	Nội dung	DVT	Mức chi tối đa
3	Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai		
3.1	Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai (Xây dựng bản tin, phóng sự, tờ rơi, pano, áp phích, đĩa...tuyên truyền về phòng, chống thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các nơi công cộng).	đồng/năm	30.000.000
3.2	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm cấp tỉnh, cấp xã	đồng/kế hoạch, phương án	Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt
3.3	Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm	đồng/hộ	30.000.000
3.4	Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng	đồng/lớp	30.000.000
3.5	Hỗ trợ diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp	đồng/cuộc	Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt
3.6	Hỗ trợ mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã	đồng/người	Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt
3.7	Tập huấn cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai	đồng/lớp	30.000.000
3.8	Hỗ trợ xây dựng, duy trì vận hành, bảo dưỡng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng	đồng	Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt

Số TT	Nội dung	ĐVT	Mức chi tối đa
3.9	Hỗ trợ mua sắm, đầu tư, duy trì vận hành, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định	đồng	Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt
4	Hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai trong phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định	đồng	Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt
5	Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai		
5.1	Hỗ trợ thù lao cho lực lượng trực tiếp thu trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã	đồng	5% số thu trên địa bàn
5.2	Chi phí hành chính phát sinh trong quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ (Ủy ban nhân dân cấp xã, Quỹ cấp tỉnh)	đồng	3% số thu trên địa bàn
5.3	Chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại Ủy ban nhân dân cấp xã đối với nguồn kinh phí được Quỹ Phòng, chống thiên tai phân bổ	đồng	20% số thu trên địa bàn